

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFASố: 198/CBTT-CTV/v Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2022**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp.HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2022



Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Quý Cổ đông.

Công ty Cổ phần MERUFA

Trụ sở chính: Văn phòng số 38 Trương Quốc Dung, phường 8, quận Phú nhuận, Tp.HCM.

Địa chỉ liên lạc: C64/II đường số 8, KCN Vĩnh lộc, huyện Bình chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Mã chứng khoán: MRF.

Điện thoại: (+84.28) 3765.4160

Fax: (+84.28) 3765.4161

Người thực hiện công bố thông tin: K' HUỆ.

Địa chỉ: C64/II Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Điện thoại di động: 0349.775.503

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

STT	NỘI DUNG
I	Biên bản + Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022
I.1	Biên bản ĐHĐCĐ 2022
I.2	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022
II	Các tài liệu thông qua tại đại hội
II.1	Điều lệ và các Quy chế
II.1.1	Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa
II.1.2	Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Merufa
II.1.3	Quy chế Hoạt động của HĐQT của Công ty Cổ phần Merufa
II.1.4	Quy chế Hoạt động của BKS của Công ty Cổ phần Merufa
II.1.5	Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022
II.2	Các báo cáo
II.2.1	Báo cáo năm 2021 của Ban TGD
II.2.2	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và KH 2022 của Ban kiểm soát.
II.2.3	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 của HĐQT; KH 2022 và định hướng phát triển
II.2.4	Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
II.3	Các tờ trình
II.3.1	Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD.
II.3.2	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán.
II.3.3	Tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2021.
II.3.4	Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022.
II.3.5	Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.
II.3.6	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX
II.3.7	Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp.

II.3.8	Tờ trình Không thu hồi khoản chi thường vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV và HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành và Thư ký theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của HĐQT
II.3.9	Tờ trình thông qua phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
II.3.10	Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2022

Lý do chậm Công bố thông tin: Người CBTT có công việc đột xuất trong gia đình, Công ty chưa bố trí kịp người Công bố thay thế.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://www.merufa.com.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu /trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



K' HUỆ

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

I. Công ty cổ phần MERUFA:

- Địa chỉ trụ sở chính: 38 Trương Quốc Dung, P.8, Q. Phú Nhuận, TPHCM
Nhà xưởng, văn phòng: C64/II, đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, Bình Chánh, TPHCM
- Hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0300478598 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 01 năm 2018.

II. Thời gian và địa điểm đại hội:

- Khai mạc lúc 8h30 ngày 23 tháng 04 năm 2022.
Địa điểm: Văn phòng khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.

III. Thành phần tham dự đại hội gồm:

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, các cổ đông và người được ủy quyền:

1. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc.
3. Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT
4. Bà Nguyễn Huỳnh Thanh Thúy – Ông Hoàng Minh Dũng Thành viên HĐQT ủy quyền tham dự đại hội
5. Ông Vũ Chinh – Thành viên HĐQT
6. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban Kiểm soát
7. Bà Trương Thị Thanh Thủy – Thành viên Kiểm soát
8. Ông Lê Minh Tuấn – Thành viên ban Kiểm soát

Cùng toàn thể 21 cổ đông có mặt tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Các nội dung diễn ra khi khai mạc đại hội:

1. Ks.Hoàng Hữu Phước Phó Tổng Giám đốc khai mạc và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.
2. Cn.Vũ Ngọc Khang – Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022, công bố kết quả kiểm tra tư cách đại biểu

✓ Tổng số cổ phần (CP) theo điều lệ Công ty:	3.675.404	CP
Trong đó:	- Số CP quỹ:	3.800 CP
	- Số CP có quyền biểu quyết:	3.671.604 CP
✓ Tổng số cổ đông và đại biểu tham dự Đại hội:	21	người
- Đại diện cho:	3.138.440	CP có quyền biểu quyết
- Đạt tỷ lệ:	85,47	%

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm tra tư cách Đại biểu ĐHĐCĐ thường niên 2022, tuyên bố đủ điều kiện tiến hành đại hội ĐHĐCĐ thường niên Công ty CP MERUFA năm 2022 (có Biên bản đính kèm).

Ghi chú:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10 giờ 15 phút, tổng số cổ đông tham dự là 28 người, đại diện cho 3.141.766 CP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 85,57 % (có Biên bản đính kèm).

3. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội, như sau:

3.1. Đoàn Chủ tịch:

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm TGĐ.

3.2. Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu:

- Ông Vũ Ngọc Khang – Tổ trưởng.
- Ông Phạm Cao Thái – Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Phương – Thành Viên
- Bà Phan Thị Sương – Thành Viên

3.3. Ban Thư ký:

- Ông Phan Thanh Nỡ – Tổ trưởng.
- Bà K' Huệ – Thành viên.

Đại hội biểu quyết 100% tán thành thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu - Ban Kiểm phiếu và Ban thư ký Đại hội.

4. Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT, thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 (có văn bản đính kèm).

Vậy Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Chương trình Đại hội.

5. Cn. Lưu Tiến Cáo - Thành viên HĐQT đọc Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 (có văn bản đính kèm)

Vậy Đại hội biểu quyết nhất trí 100% thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 .

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. CÁC BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI

1. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đọc Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 và định hướng, kế hoạch sản xuất năm 2022, (đính kèm Báo cáo số 140/BC-CT, ngày 25/03/2022);
2. Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc Báo cáo tài chính năm 2021 (báo cáo đã kiểm toán) (có Báo cáo đính kèm);
3. Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng Ban Kiểm soát: Đọc Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát. (đính kèm Báo cáo số 01/BC_BKS/MRF/2022 ngày 22/03/2022 của Ban Kiểm soát);

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2021, các kế hoạch và định hướng năm 2022 (đính kèm Báo cáo số 82/BC-HĐQT, ngày 25/03/2022 của HĐQT);

B. THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH

- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT: Đọc tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD (đính kèm tờ trình số 94/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2022)
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: Đọc tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán (đính kèm tờ trình số 83/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2022)
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức năm 2021 (đính kèm tờ trình số 80/TT-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2022)
- Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch 2022 và phân phối lợi nhuận 2022 (đính kèm tờ trình số 81/TT-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2022)
- Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban kiểm soát: Đọc tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo năm 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 (đính kèm tờ trình số 02/BC_BKS/MRF/2022 ngày 25/03/2022 của Ban Kiểm soát)
- Ông Vũ Chinh – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Điều lệ Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính (đính kèm tờ trình số 86/TT-HĐQT ngày 25/03/2022)
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính (đính kèm tờ trình số 87/TT-HĐQT ngày 25/03/2022)
- Ông Bùi Minh Tuấn – Thành viên HĐQT: Đọc tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính (đính kèm tờ trình số số 88/TT-HĐQT ngày 25/03/2022)
- Bà Nguyễn Kim Hậu – Trưởng ban kiểm soát: Đọc tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính (đính kèm Quy chế)
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT: Tờ trình về phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sản và Tiến độ phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sản từ sản Upcom sang sản HNX (đính kèm tờ trình)
- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT đọc Tờ trình về điều chỉnh vốn thực góp bằng vốn điều lệ công ty (đính kèm tờ trình số 84/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2022).
- Ông Lưu Tiến Cáo – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc đọc tờ trình về Báo cáo số 143/GDN-CT ngày 25/03/2022 về đề nghị của Công ty về việc thu hồi tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2020 cho CBCNV và HĐQT, BKS, Ban điều hành, thư ký trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
- Ông Vũ Chinh – Thành viên HĐQT đọc tờ trình về thông qua phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT (đính kèm tờ trình số 91/TT-ĐHĐCĐ ngày 31/03/2022)
- Ông Vũ Văn Minh – Chủ tịch HĐQT đọc tờ trình về thông qua phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT (đính kèm tờ trình số 89/TT-ĐHĐCĐ ngày 30/03/2022).

A. CÁC Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VÀ THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

1. Phát hành Cổ phiếu ESOP

Ý kiến của Ông Vũ Chinh - Thành viên HĐQT:

Kết quả kinh doanh của Công ty tăng trưởng tốt, Chủ tịch HĐQT khuyến khích CBCNV mua cổ phiếu để làm chủ doanh nghiệp, tuy nhiên giá cổ phiếu hiện tại khá cao nên người lao động chưa có khả năng mua được, nếu muốn khuyến khích người lao động Công ty nên xem xét việc phát hành cổ phiếu ưu đãi cho người lao động (ESOP) với một mức giá hợp lý để CBCNV và người lao động thể hiện họ vừa là người lao động vừa là chủ doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện để người lao động gắn bó với Công ty.

Ý kiến của Ông Nguyễn Kinh Thành - Cổ đông (Trưởng Phòng kinh doanh): Bản thân tôi và đa số CBCNV đã đóng góp cho Công ty nhiều năm (có một số người lao động gắn bó với công ty khoảng 30 năm), cổ phiếu ESOP giống như phần thưởng khích lệ cho CBCNV tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Ý kiến của Ông Phan Thanh Nỡ - Cổ đông (Trưởng Phòng Kế hoạch): Cổ phiếu ESOP, Công ty đã đề cập cách đây 02 năm nhưng chưa được HĐQT thông qua, vấn đề này hôm nay được nhắc lại, bản thân tôi nhận thấy nó kịp thời để khuyến khích và khích lệ tinh thần CBCNV để họ vừa thể hiện họ là người lao động vừa là chủ doanh nghiệp.

Ý kiến của ông Vũ Văn Minh - Chủ tịch HĐQT: Đề nghị đưa nội dung phát hành cổ phiếu ESOP để Công ty có phương án trình HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Ý kiến của ông Bùi Minh Tuấn - Thành viên HĐQT: Esop không nằm trong chương trình đại hội, cần phải có quy chế cụ thể cho đúng quy định, HĐQT cần sẽ trao đổi thêm vào cuộc họp HĐQT tới.

Ý kiến của bà Nguyễn Kim Hậu - Trưởng ban Kiểm soát: Nhất trí với ý kiến của ông Bùi Minh Tuấn.

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Ý kiến của Ông Vũ Chinh - Thành viên HĐQT: Theo quy định tại Đại hội phải thông qua lựa chọn 01 trong 04 đơn vị kiểm toán của Ban kiểm soát đề xuất. Trường hợp chưa lựa chọn được thì ĐHĐCĐ phải ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán đã thông qua theo tờ trình của Ban kiểm soát

3. Vấn đề kiểm phiếu:

Ý kiến của Ông Vũ Chinh - Thành viên HĐQT: Đề nghị các cổ đông thực hiện biểu quyết trên phiếu biểu quyết và Ban kiểm phiếu thu lại, phiếu phiếu và báo cáo kết quả kiểm phiếu cho Ban thư ký đưa vào biên bản và thông qua ngay tại đại hội.

B. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội biểu quyết thông qua các báo cáo tại Đại hội, bao gồm:

Sau khi Đại hội khai mạc, có một số cổ đông đến muộn, tính đến thời điểm thông qua các báo cáo và biểu quyết, bầu cử lúc 10h00, tổng số cổ đông tham dự là 28 người, đại diện cho 3.141.766 CP có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ 100,00 % (có Biên bản đính kèm).

Trong đó số phiếu thu về là 25 phiếu đại diện cho 3.141.363 CP chiếm tỷ lệ 99,96 %, trong đó:

- Số phiếu hợp lệ là 24 phiếu, đại diện cho 3.140.363 CP chiếm, tỷ lệ 99,96 %;

- Số phiếu không hợp lệ là 01 phiếu, đại diện cho 1.000 cổ phiếu, tỷ lệ 0,04 %.

[Có biên bản kiểm phiếu đính kèm]

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 và định hướng năm 2022 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

2. Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

3. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

4. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về đánh giá tình hình hoạt động công ty trong năm 2021, các kế hoạch và định hướng năm 2022 (trong đó Doanh thu là: 296.330 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là 22.030 triệu đồng) với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu và chuyển sản theo tờ trình số /TT-ĐHĐCĐ ngày 04/2022 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội của Hội đồng quản trị bao gồm:

6.1 – Tờ trình thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.2 - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.3 - Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 (trong đó điều chỉnh Quỹ ĐTPT từ 45% xuống còn 40%). *ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:*

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	31,459,087,138	31,459,087,138
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 (MS 421a – BCDKT)	7,735,402,745	7,735,402,745
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (MS 421b – BCDKT)	23,723,684,393	23,723,684,393
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) <i>(Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 23.176.148.641 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.273.046.859 đồng)</i>	1,273,046,859	1,273,046,859
III	Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,0,000	5,507,0,000
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2021 (I-II-III)	24,678,634,279	24,678,634,279
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	22,860,556,454	23,726,770,830
1	Chi cổ tức năm 2021 (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000

2	Trích lập các quỹ:	11,845,744,454	10,611,812,740
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (40% x LNST)	11,105,385,426	9,871,453,712
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	246,786,343	246,786,343
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	493,572,686	493,572,686
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
2.5	Tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2020		2,100,146,090
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021 (IV-V)	1,818,077,825	951,863,449

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

-	Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
-	Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
-	Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.4 - Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 (trong đó cổ tức là 30%/Vốn điều lệ tính đến ngày 23/04/2022) ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	19,442,077,825	18,575,863,449
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	1,818,077,825	951,863,449
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	17,624,000,000	17,624,000,000
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	17,430,697,682	17,144,846,938
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	6,415,885,682	6,130,034,938
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST)	5,832,623,348	5,572,759,035
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	194,420,778	185,758,634
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	388,841,557	371,517,269
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022 (I-II)	2,011,380,143	1,431,016,511

Tỷ lệ biểu quyết thông qua như sau:

-	Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
-	Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
-	Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.5 - Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022; Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.6 - Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Điều lệ Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.7 - Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.8 - Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế Hoạt động của HĐQT Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.9 - Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi “Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP MERUFA” theo thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.10 - Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển nhượng giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX với tỷ lệ như sau::

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.11 - Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp công ty với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.12 - Thông qua tờ trình Không thu hồi khoản chi thường vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV là **1.826.213.970 đồng** (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi đồng./.) và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, Ban Thư ký là **273.932.120 đồng** (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai mươi đồng./.) theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.13 - Tờ trình thông qua phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

6.14 - Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2022 với tỷ lệ như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

C. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Phan Thanh Nỡ thay mặt Ban Thư ký đọc Biên bản đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua, như sau:

- Tổng số phiếu tán thành:	3.141.363	CP, đạt tỷ lệ:	99,96 %
- Tổng số phiếu không tán thành:		CP, đạt tỷ lệ:	%
- Tổng số phiếu không có ý kiến:	0	CP, đạt tỷ lệ:	0,00 %

2. Ks. Hoàng Hữu Phước - PTGD, thay mặt Ban Tổ chức tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022. Đại hội kết thúc hồi 11h00 cùng ngày.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Công bố thông tin theo quy định
- Các thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc
- P. Tài vụ
- Lưu thư ký HĐQT
- Lưu Văn thư Cty

TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN

Phan Thanh Nỡ

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA



Vũ Văn Minh





Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Hôm nay, ngày 23 tháng 04 năm 2022 tại Hội trường KCN Vĩnh Lộc huyện Bình Chánh, Tp HCM ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Vũ Ngọc Khang | Trưởng ban |
| 2. Ông Phạm Cao Thái | Phó ban |
| 3. Bà Nguyễn Thị Phương | Thành viên |
| 4. Bà Phan Thị Sương | Thành Viên |

Đã tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

100% đại biểu dự đại hội thường niên ngày hôm nay đều là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Công ty theo danh sách chốt cổ đông ngày 22 /03/2022.

Tổng số cổ đông và đại diện, ủy quyền tham dự tại thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông 2022 (vào lúc 8 giờ 40 ngày 23/04/2022) là 21 Cổ đông đại diện cho 3.138.440 Cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 85.47% trên tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; Tại thời điểm 9 giờ 15 ngày 23/04/2022 tổng số cổ đông tham gia 27 cổ đông đại diện cho 3.141.746; Tại thời điểm lúc 10 giờ 15 ngày 23/04/2022 tổng số Cổ đông tham gia biểu quyết là 28 Cổ đông đại diện cho 3.141.766 Cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 85.57 % trên tổng số Cổ phần (3,671,604 Cổ phần) có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ vào điều 145 luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty, Quy chế Đại hội. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ Phần Merufa là hợp lệ.

Vậy Ban thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước đại hội.

Trưởng ban

Vũ Ngọc Khang

Các thành viên ban kiểm phiếu

Phạm Cao Thái:

Nguyễn Thị Phương:

Bà Phan Thị Sương:

KIỂM PHIẾU BIỂU QUẾT THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Lúc 8 giờ30 ngày 23/04/2022 tại hội trường lầu 5 Khu nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh. Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2022 đã thông qua biểu quyết và các quyết định báo cáo như sau:

STT	Nội dung thông qua	Tổng Số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về, tham gia biểu quyết	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Số phiếu tán thành			Số phiếu không tán thành		Số phiếu không có ý kiến	
						Tổng số	Tỷ lệ so với số phiếu phát ra	Tỷ lệ so với số phiếu hợp lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
A	Biểu quyết thông qua Chủ tịch đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, Chương trình đại hội, quy chế đại hội											
01	Đại hội thông qua danh sách Chủ tịch đoàn	3,138,440	3,138,440	3,138,440	0	3,138,440	100%	100%	0	0%	0	0%
02	Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm tra tư cách đại biểu và kiểm phiếu	3,138,440	3,138,440	3,138,440	0	3,138,440	100%	100%	0	0%	0	0%
03	Đại hội thông qua danh sách Ban thư ký	3,138,440	3,138,440	3,138,440	0	3,138,440	100%	100%	0	0%	0	0%
04	Đại hội thông nhất Chương trình đại hội	3,138,440	3,138,440	3,138,440	0	3,138,440	100%	100%	0	0%	0	0%
05	Đại hội thông qua qui chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông	3,138,440	3,138,440	3,138,440	0	3,138,440	100%	100%	0	0%	0	0%
B	Biểu quyết nội dung trong chương trình											
01	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
02	Báo cáo quyết toán tài chính của công ty năm 2021 (đã kiểm toán).	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
03	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 và KH 2022 của Ban kiểm soát.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
04	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021 của HĐQT; KH 2022 và định hướng phát triển	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
05	Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%



Handwritten signature or initials.

STT	Nội dung thông qua	Tổng Số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về, tham gia biểu quyết	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Số phiếu tán thành			Số phiếu không tán thành		Số phiếu không có ý kiến	
						Tổng số	Tỷ lệ so với số phiếu phát ra	Tỷ lệ so với số phiếu hợp lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
06	Tờ trình thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
07	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
08	Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 (Đã điều chỉnh theo đề nghị)	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
09	Tờ trình thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 (Đã điều chỉnh theo đề nghị)	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
10	Tờ trình của Ban kiểm soát về Báo cáo 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 (Đã điều chỉnh theo đề nghị của ĐH).	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
11	Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi "Điều lệ Công ty của Công ty Cổ phần MERUFA".	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
12	Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi "Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty CP MERUFA".	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
13	Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi "Quy chế Hoạt động của HĐQT Công ty CP MERUFA".	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
14	Tờ trình về thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi "Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP MERUFA".	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
15	Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%) và chuyển sản giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
16	Tờ trình về việc điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
17	Tờ trình Không thu hồi khoản chi thường vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV và HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành và Thư ký theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của HĐQT;	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%

STT	Nội dung thông qua	Tổng Số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về, tham gia biểu quyết	Số phiếu hợp lệ	Số phiếu không hợp lệ	Số phiếu tán thành			Số phiếu không tán thành		Số phiếu không có ý kiến	
						Tổng số	Tỷ lệ so với số phiếu phát ra	Tỷ lệ so với số phiếu hợp lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
18	Tờ trình thông qua phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
19	Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của HĐQT, BKS năm 2022	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
20	Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%
21	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.	3,141,766	3,141,363	3,140,363	1,000	3,140,363	99.96%	100%	0	0.00%	0	0.00%


Trưởng ban

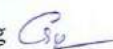


Vũ Ngọc Khang

Các thành viên ban kiểm phiếu

Phạm Cao Thái: 

Nguyễn Thị Phương: 

Bà Phan Thị Sương: 



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84.28) 3765 5031 – 3765 4160 Fax: (84.28) 3765 4161
Email: merufa@merufa.vn Web: <http://www.merufa.com.vn>;
ISO 13485:2016 và ISO 9001:2015



Số : 102 /NQ-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, Ngày 23 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA;
- Căn cứ vào biên bản họp Số: 101 /BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần MERUFA ngày 24/04/2022;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần MERUFA được tổ chức tại văn phòng khu công nghiệp Vĩnh Lộc, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh vào ngày 23/4/2022 với 28 cổ đông và người ủy quyền dự họp, đại diện cho 3.141.766 cổ phần bằng 85,57 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đã thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 1.1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng Giám Đốc;
- 1.2. Báo cáo Tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;
- 1.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;
- 1.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, trong đó Doanh thu là: 296.330 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là 22.030 triệu đồng;
- 1.5. Báo cáo tiến độ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%), phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu và cổ phiếu và chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX.

Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội bao gồm:

- 2.1. Tờ trình thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban TGD;
- 2.2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã kiểm toán;
- 2.3. Tờ trình phân phối lợi nhuận 2021: chi trả cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30% bằng tiền mặt, 15% bằng cổ phiếu.

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	31,459,087,138	31,459,087,138
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 (MS 421a – BCĐKT)	7,735,402,745	7,735,402,745
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (MS 421b – BCĐKT)	23,723,684,393	23,723,684,393
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) (Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 23.176.148.641 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.273.046.859 đồng)	1,273,046,859	1,273,046,859
III	Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	5,507,406,000
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2021 (I-II-III)	24,678,634,279	24,678,634,279
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	22,860,556,454	23,726,770,830
1	Chi cổ tức năm 2021 (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	11,845,744,454	10,611,812,740
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (40% x LNST)	11,105,385,426	9,871,453,712
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	246,786,343	246,786,343
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	493,572,686	493,572,686
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
2.5	Tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2020		2,100,146,090
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021 (IV-V)	1,818,077,825	951,863,449

2.4. Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022 (trong đó cổ tức 30%/vốn điều lệ tính đến ngày 23/04/2022);

STT	Nội dung	Số tiền HĐQT đề xuất	Số tiền ĐHĐCĐ thông qua
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	19,442,077,825	18,575,863,449
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	1,818,077,825	951,863,449
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	17,624,000,000	17,624,000,000
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	17,430,697,682	17,144,846,938
1	Chi cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000
2	Trích lập các quỹ:	6,415,885,682	6,130,034,938
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST)	5,832,623,348	5,572,759,035
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	194,420,778	185,758,634
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	388,841,557	371,517,269
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022 (I-II)	2,011,380,143	1,431,016,511

- 2.5. Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022;
- 2.6. Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc “lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022”, Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện.
- Điều 3:** Thông qua Tờ trình số 95/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (15%) và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu (70%).
- Điều 4:** Thông qua tờ trình số 96/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ Upcom sang HNX. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.
- Điều 5:** Thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần MERUFA.
- Điều 6:** Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần MERUFA.
- Điều 7:** Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần MERUFA.
- Điều 8:** Thông qua tờ trình về thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị.
- Điều 9:** Thông qua Tờ trình về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp. Trong đó:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1-2	4
1	Số vốn điều lệ trên giấy ĐKKD lần 7	36.867.230.000	36.754.040.000	113.190.000	
2	Số vốn điều lệ xin Đại hội điều chỉnh:	36.754.040.000	36.754.040.000	0	
	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua	36.754.040.000	36.754.040.000		

Điều 10: Thông qua tờ trình Không thu hồi khoản chi thường vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV là **1.826.213.970 đồng** (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm bảy mươi đồng./.) và Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, Ban Thư ký là **273.932.120 đồng** (bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm hai mươi đồng./.) theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của Hội đồng quản trị.

Điều 11: Thông qua tờ trình thù lao HĐQT, BKS, thư ký năm 2022 (kèm tờ trình đã sửa lại thù lao của TV BKS), áp dụng từ tháng 05/2022.

Điều 12: Tờ trình thông qua Báo cáo chia thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông thông nhất giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.

Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA

- Nơi nhận:
- UBCKNN, Sở GD&ĐT TPHCM, CBTT
 - Các thành viên HĐQT.
 - Ban Kiểm soát.
 - Ban TGD.
 - Lưu thư ký HĐQT.

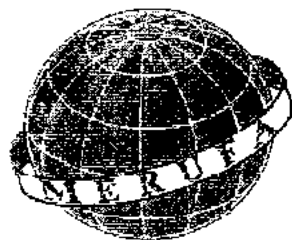


CHỦ TỊCH HĐQT
Ks. Vũ Văn Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Merufa)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

M.S.D.A.



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	9
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	25



Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	30
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	30
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	31
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	35
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	36
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	39
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	40
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	40
Điều 36. Thư ký Công ty	41
IX. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	41
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	42
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	43
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	43
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	44
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	44
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	45
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	45
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	46
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	47
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	47
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	48



XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	48
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ...	49
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	49
Điều 49. Năm tài chính	49
Điều 50. Chế độ kế toán.....	49
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	50
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	50
Điều 52. Báo cáo thường niên	50
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	50
Điều 53. Kiểm toán	50
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	50
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp	50
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	51
Điều 55. Giải thể Công ty	51
Điều 56. Gia hạn hoạt động.....	51
Điều 57. Thanh lý	51
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ	52
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 59. Điều lệ Công ty	53
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 60. Ngày hiệu lực	53



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 28 tháng 04 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 12 tháng 05 năm 2018; sửa đổi bổ sung lần thứ hai theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 20 tháng 06 năm 2020; sửa đổi bổ sung lần thứ ba theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2021 và sửa đổi, bổ sung lần thứ tư theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 23 tháng 04 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- f) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
- i) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;



- j) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;
- l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **MERUFA JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **MERUFA**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: 38 Trương Quốc Dung, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại: (028) 37654 160

- Fax: (028) 37654 161

- E-mail: merufa@merufa.vn

- Website: <http://merufa.com.vn>



4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:



Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: sản xuất mỹ phẩm
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán dụng cụ dùng cho ngành chăn nuôi, mua bán vật tư các loại, hóa chất (trừ có tính chất độc hại)
2829	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị dùng trong sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại
3250 (Chính)	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: sản xuất các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại dùng trong y tế, trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh)
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất dụng cụ cho ngành chăn nuôi (không sản xuất nhựa, cao su, kim loại trong khu dân cư tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh)
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ cao su, nhựa, kim loại dùng trong y tế trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; dụng cụ dùng cho ngành thú y, mua bán mỹ phẩm
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty được thành lập để huy động vốn có hiệu quả nhằm phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề được nhà nước cho phép. Đồng



thời nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đạt được lợi nhuận ngày càng cao, tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, nâng cao giá trị cổ phần trên thị trường chứng khoán, tăng mức đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 36.754.040.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, bốn mươi nghìn đồng./.).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.675.404 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/01/2003. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các



cổ đông hiện hữu trừ trường hợp trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch/niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.



2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;



Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;



b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;



7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn



bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

Trường hợp Công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.



Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;



- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;



t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và



nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;



- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập,



địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:



a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.



4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;



c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- e) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- f) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu



như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết



chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.



5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.



4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;



d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.



2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (trường hợp công ty niêm yết). Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Trường hợp Công ty niêm yết, Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;



- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định như sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị phải trình nội dung yêu cầu cung cấp lên Hội đồng quản trị công ty.
 - Xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp để lấy ý kiến trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị về nội dung được yêu cầu cung cấp thông tin.
 - Nếu nội dung trên được Hội đồng quản trị thông qua thì người quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin sẽ cung cấp các thông tin theo yêu cầu trong vòng bảy (07) ngày.
- r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo



nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;



- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp Công ty niêm yết);
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.





4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;



c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Tổng Giám đốc điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.



Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;



- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.



2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:

- a) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;



c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban



kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.



2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.



5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ (35%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty,



hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính



hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.



5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KÊ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.



XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp



1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị



chi định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ



Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa

bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

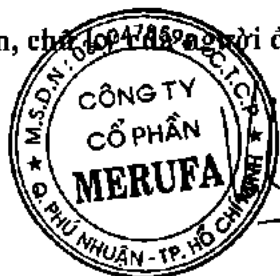
1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Merufa nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký và đóng dấu người đại diện theo pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT

Ks. Vũ Văn Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Merufa)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	8
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	8
Chương II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)	10
Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG	10
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 10. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua	19
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu	20
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22



Mục 2 - QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP	22
Mục 2.1 - QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP	22
Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	22
Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	23
Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	24
Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	25
Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	26
Mục 2.2 - QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYẾN	26
Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	26
Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	27
Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	27
Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến	28
Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	29
Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	29
Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	30
Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	30
Mục 2.3 - QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN	30
Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	30
Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	31
Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	31
Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến .	31



Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	31
Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến	31
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	31
Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	31
Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	32
Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	32
Chương III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	35
Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG	35
Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	35
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	36
Mục 2 - QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT	36
Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	36
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	37
Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	38
Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT	38
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	41
Mục 3 - THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	42
Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	42



Mục 4 - QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	43
Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	43
Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	43
Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	44
Điều 55. Cách thức biểu quyết	44
Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	46
Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị ...	46
Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	46
Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	47
Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	47
Mục 5 - CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	48
Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	48
Mục 6 - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	48
Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	48
Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	48
Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	48
Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	49
Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	49
Chương IV - BAN KIỂM SOÁT	50
Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG	50
Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	50



Mục 2 - QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	51
Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	51
Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	51
Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	52
Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát	53
Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	53
Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	54
Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	54
Chương V - TỔNG GIÁM ĐỐC	54
Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	54
Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc	55
Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc	56
Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	56
Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc	56
Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc	56
Chương VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	57
Mục 1 - QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	57
Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	57
Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát	57
Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc	57
Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	57



Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	59
Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.....	59
Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.....	59
Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.....	60
Mục 2 - QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....	63
Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.....	63
Điều 90. Khen thưởng.....	64
Điều 91. Kỷ luật.....	64
Chương VII - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	64
Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty.....	64
Chương VIII - NGÀY HIỆU LỰC.....	65
Điều 93. Ngày hiệu lực.....	65



Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

2. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

3. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

4. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

5. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

6. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

7. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

8. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

9. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

10. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên



11. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

12. *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

13. *Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu* là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14. *Công ty* là Công ty Cổ phần Merufa

15. *HĐQT* là Hội đồng quản trị

16. *Ứng cử* là tự đề cử

17. *BKS* là Ban kiểm soát

18. *VSD* là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

19. *Đại biểu* là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

20. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

21. *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

22. *Bỏ phiếu điện tử* là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này.

23. *Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập* bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.



Chương II - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)

Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

Trường hợp Công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;



3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;



c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm tối thiểu 01 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.



2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cứ một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm tối thiểu 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và tối thiểu 01 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự



hợp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của VSD)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty chưa đăng ký chứng khoán tại VSD).

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử. Lưu ý, trong trường hợp mời họp Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến thì Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.



4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.



Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp; Điều 16, Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo



quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:



- a. Cuộc họp trực tiếp
- b. Hội nghị trực tuyến
- c. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này).

Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 147 và Điều 167 Luật doanh nghiệp; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;



13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty.

b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;



e. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

f. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên HĐQT và BKS, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT/BKS cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT/BKS có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132, Điều 151 Luật doanh nghiệp)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá



thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;



j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Mục 2 - QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TÀI CUỘC HỌP

Mục 2.1 - QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TÀI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP

Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm



phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử



- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. **Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:** Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.



b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;



• Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

✦ Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

• Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

• Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

• Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Mục 2.2 - QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYẾN

Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.



- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này và đã thực hiện xác nhận đăng ký tham dự tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:



- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

- Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

- Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:



- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những



vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến.

Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 2.3 - QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 23 Quy chế này.



Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 25 Quy chế này.

Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 28 Quy chế này.

Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 29 Quy chế này.

Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 30 Quy chế này.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- c. Định hướng phát triển Công ty;
- d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;



- g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm
- h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;



- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);





- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

11/11/2011 10:00:00 AM



Chương III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

f. Trường hợp Công ty niêm yết, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

**Mục 2 - QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HĐQT**

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.



2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (trường hợp công ty niêm yết).

3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Trường hợp Công ty niêm yết, Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

Quyền, nghĩa vụ và cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập sẽ được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

c. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

d. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1,2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ



phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.



4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.



Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



MỤC 3 - THÙ LAO, LƯƠNG THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.



Mục 4 - QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp Công ty niêm yết);

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

e. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)



1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 55. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;



e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty;

c. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được



tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;



d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 58 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.



Mục 5 - CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Mục 6 - LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.



2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.



Chương IV - BAN KIỂM SOÁT

Mục 1 - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Mục 2 - QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;



d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.



Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;



b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp)

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Chương V - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.



2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyển dụng lao động;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.



Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

(Căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.



Chương VI - CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1 - QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp)

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết/ Quyết định HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 40 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;



- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:

a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

e. Xin ý kiến HĐQT đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.



Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 75 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 43, Điều 45 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT.
2. Các nội dung theo Điều 84 Quy chế này;
3. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính



đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

4. Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

5. Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS

a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

c. Cách thức thông báo cho BKS thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:

BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:



a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

h. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức





kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f. Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;



c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

MỤC 2 - QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

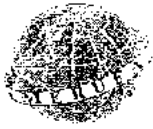
1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.



Điều 90. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 89 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 91. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.



Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Công ty Cổ phần Merufa

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Chương VIII - NGÀY HIỆU LỰC

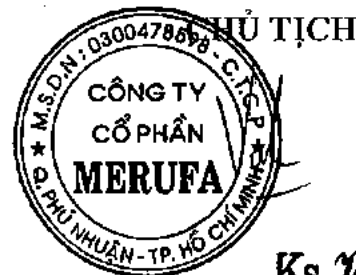
Điều 93. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Merufa nhất trí thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ks. Vũ Văn Minh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

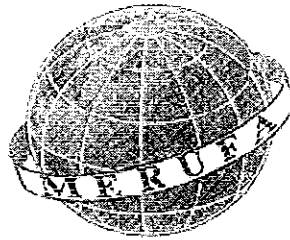


*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Merufa)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

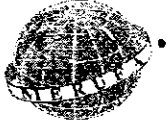
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Merufa)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

M.S.D.N.
★



MỤC LỤC

Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ.....	3
Chương II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị....	8
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị...	10
Chương III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	13
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	14
Điều 15. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	15
Chương IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	19
Chương V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	20
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm.....	20
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	21
Chương VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành.....	22
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	22
Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	23
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	23



Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

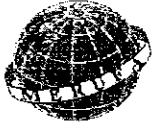
a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;



f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

g) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

h) *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.



3. Trường hợp Công ty niêm yết, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin tại điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục (trường hợp công ty niêm yết).

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc..

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;



c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Công ty niêm yết, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06



tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.



4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

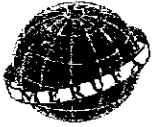
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 6 Quy chế này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.



4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

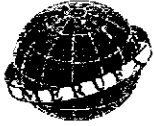
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực



hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

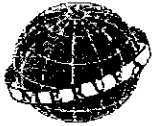
Chương III - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;



- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;



r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;



- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường



Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Trường hợp Công ty niêm yết, Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

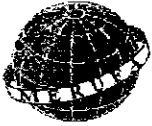
d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp công ty niêm yết)/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm



Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban..

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV - CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trường hợp Công ty niêm yết);

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty



không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết



a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty;

c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

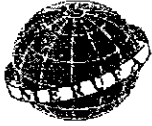
Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.



14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.



5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V - BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành



mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.



3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI - MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

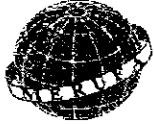
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.



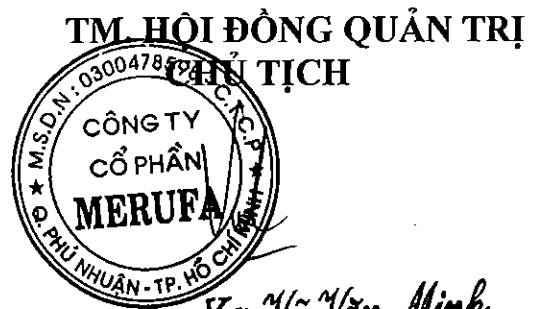
Quy chế hoạt động của HĐQT - Công ty Cổ phần Merufa

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2022.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 97/TT-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
-

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát bổ sung sửa đổi năm 2022.

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

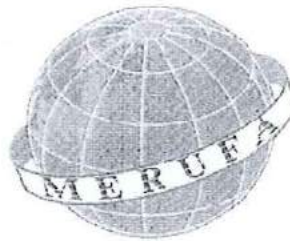
(Ký tên và đóng dấu)



NGUYỄN KIM HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA



*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Merufa)*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

★ M.S.D.N. ★



MỤC LỤC

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ	3
CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	7
CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	11
CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	11
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	12
CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	12
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm	12
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	13
CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành	14
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	14
CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	15
Điều 23. Hiệu lực thi hành	15



Chương I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

g) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

h) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên



Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Chương II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.



3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.



Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.



3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III - BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.



Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.



Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.



2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.



7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.



2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.



Chương VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 04 năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN KIM HẬU

CÔNG TY CỔ PHẦN
MERUFA
Số: 10.1/QC-MRF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
 - Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.
- Hội đồng Quản trị xây dựng Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng

- 1.1 - Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên (gọi tắt là "Đại hội") của Công ty cổ phần Merufa (gọi tắt là "Công ty").
- 1.2 - Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 - Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội.

- 2.1 - Điều kiện tham dự Đại hội: Cổ đông là đại diện pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông, một nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận, được quyền tham gia Đại hội.
- 2.2 - Quyền của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:
 - 2.2.1- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ.
 - 2.2.2- Được uỷ quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
 - 2.2.3- Ban tổ chức Đại hội sẽ thông báo công khai toàn bộ nội dung, chương trình Đại hội; Tất cả cổ đông đủ điều kiện được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền của mình và các ý kiến tham gia được thảo luận tại Đại hội (các ý kiến tham gia phải thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty).
- Cổ đông phải đọc các nội dung về Đại hội của Công ty, đã được đưa lên trang Web của Công ty, của Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX) và trang Công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- 2.2.4- Tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội phải mang theo Giấy đăng ký dự họp, Giấy uỷ quyền dự họp (đối với đại diện cổ đông) nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và được nhận một Phiếu (thẻ) biểu quyết (ghi số thứ tự cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông). Giá trị biểu quyết của phiếu bầu mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ tương

ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

2.2.5 Trường hợp cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến (tham dự họp Đại hội từ xa) thì quy định như sau:

- Căn cứ vào Điểm c, Khoản 3, Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020 thì Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Do đó, các cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống họp/bỏ phiếu trực tuyến của Công ty thì được coi là cổ đông trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu cũng có giá trị như cổ đông bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội.

- Cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến thì thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu trực tuyến.

- Cổ đông tham dự Đại hội và bỏ phiếu trực tuyến được hệ thống ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của từng nội dung Đại hội hoặc ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu. Cổ đông chịu trách nhiệm về kết quả bỏ phiếu khi đã đăng nhập vào hệ thống mà Ban tổ chức Đại hội cung cấp.

- Cổ đông tham dự trực tuyến bị ngắt kết nối trước thời điểm bỏ phiếu kết thúc thì các nội dung nào cổ đông đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu. Trường hợp cổ đông kết nối lại thì cổ đông được tiếp tục bỏ phiếu các nội dung còn chưa biểu quyết.

2.2.6- Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

2.2.7- Cổ đông đến Đại hội muộn (khi Đại hội chưa kết thúc) có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

2.3 - Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

2.3.1 - Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham dự Đại hội phải mang theo Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông;

2.3.2 - Ăn mặc lịch sự;

2.3.3 - Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội;

2.3.4 - Đăng ký phát biểu tại Đại hội theo quy định, tuân thủ thời gian phát biểu, nội dung phát biểu trong phạm vi chương trình Đại hội;

2.3.5 - Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tuân thủ sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội;

2.3.6 - Không được có hành vi cản trở, gây rối trật tự làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

2.3.7 - Không được gây rối, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội;

2.3.8 - Tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội;

2.3.9 - Nghiêm túc chấp hành Quy chế, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

3.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng Ban và các thành viên do Hội đồng quản trị Công ty quyết định để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

3.1.1 - Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền); Kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.

- 3.1.2 - Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết; Phiếu biểu quyết; Phiếu bầu cử và các tài liệu họp liên quan khác;
- 3.1.3 - Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:
- Trước khi khai mạc Đại hội;
 - Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (do Cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).
- 3.1.4 - Thực hiện các công việc khác do Ban Tổ chức Đại hội hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.
- 3.2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

- 4.1. Ban Kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và hai (02) thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 4.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách bầu cử, cách sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết đối với cổ đông tham dự trực tiếp tại Đại hội. Ban kiểm phiếu cũng đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, hướng dẫn cổ đông thực hiện biểu quyết trực tuyến, kiểm tra giám sát việc biểu quyết và tổ chức kiểm phiếu.
- 4.3. Trưởng Ban Kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.
- 4.4. Ban Kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.
- 4.5. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực kết quả kiểm phiếu đã công bố.
- 4.6. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản và bàn giao lại toàn bộ phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, các biên bản kiểm phiếu cho HĐQT Công ty ngay sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

- 5.1. Chủ tịch HĐQT Công ty là Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tọa Đại hội gồm Chủ tọa Đại hội và một (hoặc một số) thành viên HĐQT Công ty.
- 5.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- 5.3. Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- 5.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
- 5.4.1- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - 5.4.2- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp; hoặc
 - 5.4.3- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- 5.5. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 5.6. Chủ tọa có quyền cất ý kiến phát biểu của cổ đông khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.
- 5.7. Có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội.
- 5.8. Chủ tọa đề cử Ban Thư ký Đại hội để lập biên bản cuộc họp Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp có liên quan. Ban Thư ký do Đại hội biểu quyết thông qua.

Chương III: TIỀN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện để tiến hành Đại hội:

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

6.1. Trường hợp quá 30 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội (được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông), mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành.

6.2. Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội cổ đông các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 7: Cách thức tiến hành Đại hội

7.1. Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua và các nội dung đã gửi cho cổ đông, đã công bố thông tin công khai trên trang Web của Công ty, trên HNX và trên trang công bố thông tin của UBCK nhà nước.

7.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

7.3. Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Chương IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 8: Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

8.1 – Biểu quyết:

- Cổ đông và/hoặc Đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến) một vấn đề/nội dung bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết đồng ý thông qua giao phiếu biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “Tán thành”. Tương tự, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” sẽ lần lượt giao phiếu biểu quyết.

- Cổ đông giao phiếu biểu quyết các nội dung như thế nào thì đánh dấu vào thẻ biểu quyết như vậy. Ví dụ Cổ đông giao phiếu biểu quyết “nội dung 1” là “Tán thành” thì đánh dấu X vào dòng “nội dung 1” ở cột “Tán thành”. Sau khi giao phiếu biểu quyết xong nội dung cuối cùng và đánh dấu tên thẻ xong thì cổ đông nộp lại thẻ biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

- Cổ đông tham dự trực tuyến có thể phát biểu, góp ý với Đại hội thông qua hệ thống hình ảnh, âm thanh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội (tùy theo Hệ thống mà đại hội trực tuyến sử dụng).

- Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

8.2 – Thông qua Quyết định của Đại hội:

Các quyết định của Đại hội được thông qua theo quy định ghi trong Điều 21 của Điều lệ Công ty.

Điều 9: Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Công ty. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty, đồng thời được công bố thông tin theo quy định.

Chương V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10: Điều khoản thi hành:

Quy chế này gồm 5 Chương 10 Điều, được thông qua Đại hội Cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2022 và có hiệu lực ngay sau khi Đại hội thông qua. Trong quá trình thực hiện nếu cổ đông phát hiện những điểm không phù hợp với Điều lệ hoặc các quy định Pháp luật khác, thì phản ánh cho Hội đồng quản trị để xem xét sửa đổi. *Đại hội các năm sau, kể cả Đại hội đồng cổ đông bất thường thì “Quy chế tổ chức Đại hội” này vẫn có hiệu lực thi hành (mà không phải thông qua mỗi khi Đại hội), nếu không có những yếu tố thay đổi lớn ảnh hưởng đến Đại hội và không có sự đề nghị sửa đổi của Hội đồng quản trị./.*

Nơi gửi:

- DHDCĐ và CBTT
- HĐQT, BKS, Ban TGD
- Thư ký HĐQT.
- Lưu Văn thư

TM/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MERUFA
KS. VU VĂN MINH





SINCE 1987
Số: 140/BC-CT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP MERUFA VỀ SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021, KẾ HOẠCH 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP MERUFA

Ban Tổng giám đốc Công ty báo cáo hoạt động SXKD 2021 và kế hoạch 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2021

1 - Bối cảnh chung: Năm 2021 có thuận lợi và khó khăn sau: Thuận lợi là kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng (GDP tăng khoảng 2,48%), giá cả khá ổn định (lạm phát khoảng 1,84%); Nhu cầu giảm trong nước và trên thế giới tăng cao do đại dịch covid-19; Lãi suất vay Ngân hàng VCB vừa phải và khá ổn định; Bộ máy Công ty đã khá gọn nhẹ, được củng cố và thử thách qua 3 năm; việc làm ổn định và thu nhập tăng so với 2020; Với đội ngũ CBCNV nhiệt tình, đoàn kết cùng phấn đấu vì lợi ích công ty, Công ty đã tập trung chỉ đạo vào việc thực hiện nghiêm túc quy trình công nghệ và có những đầu tư máy móc thiết bị và những cải tiến phù hợp, chất lượng gang tay phẫu thuật và condom luôn đạt mức cao, tạo điều kiện để giảm giá thành và tăng sự cạnh tranh. Việc bán hàng được đẩy mạnh (do thời cơ thuận lợi), từng bước mở rộng thị phần, tăng cường xuất khẩu... Bên cạnh việc đầu tư mới một số máy móc thiết bị để tăng sản lượng, vẫn còn khó khăn là có một số máy móc thiết bị cũ, năng suất kém, chi phí sản xuất cao; Thị trường gang tay phẫu thuật, condom... vẫn có sự cạnh tranh gay gắt, nhiều đơn vị tư nhân tham gia, một số nhà máy mới được đầu tư đưa sản phẩm bán ra thị trường với số lượng lớn, giá giảm nhiều. Các bệnh viện mời thầu với các điều kiện rất khác nhau và đặc biệt là thời gian thanh toán rất chậm từ 3 tháng, thậm chí trên 6 tháng. Giá gang tay cao su biến động tăng nhanh vào quý III/21 và cuối năm có giảm, nhưng giá bán cho các bệnh viện (theo giá thầu), thời gian đầu năm không tăng được, gây thiệt hại khá lớn cho Công ty; Giá cao su latex biến động, tăng dần vào cuối năm;

2 - Kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD và Đầu tư của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021		(% TH 2021 so với:		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2020	KH 2021	
A	1	2	3	4=3:1	5=3:2	6
I. Kết quả SXKD:						
1 - Doanh thu thuần	197.599	248.000	284.511	144,0	114,7	
2 - Lợi nhuận trước thuế	15.202	17.056	29.945	197,0	175,6	
3 - Tỷ lệ chia cổ tức	15%	30%	30%	200,0	100,0	
II. Kết quả Đầu tư:						
1 - XD CB	546	0	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	1.946	32.000	14.408	740,4	45,0	
Cộng	<u>2.492</u>	<u>32.000</u>	<u>14.408</u>	<u>740,4</u>	<u>578,2</u>	

Phân tích:

Về SXKD: Bằng một loạt những biện pháp như: Tiếp tục củng cố bộ máy điều hành, giao quyền chủ động cho các trường đơn vị, tháo gỡ những vướng mắc, tăng cường khoán chi phí và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thay đổi phương thức bán hàng phù hợp với diễn biến của dịch Covid-19 và chế độ tiền lương linh hoạt, thiết thực; sử dụng mặt bằng hợp lý, tiết kiệm. Từ đó kết quả kinh doanh cả năm Doanh thu đạt 114,7% kế hoạch và lãi 29.945 triệu đồng, đạt 175,6% kế hoạch.

Về đầu tư:

- Kế hoạch: Năm 2021, ĐHCĐ ngày 24/4/2021 đã thông qua KH đầu tư 32.000 triệu đồng (vốn mua sắm thiết bị).

- Thực hiện 2021 là 14.408 triệu đồng; còn Dự án GKT-02 đã thực hiện trên 95% (tính đến 31/12/2021).

3 – Tình hình quản lý vốn và tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng;

Chỉ tiêu	Mã số	Số 1.1.2021	Số 31.12.2021	Tăng/giảm
I. Tài sản ngắn hạn:	100-BCĐKT	93.945	116.558	+22.613
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	8.942	7.323	-1.619
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	46.618	41.892	-4.726
Trong đó: <i>Nợ phải thu khó đòi</i>		0	0	0
3. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	36.837	62.554	+25.717
4. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	1.549	4.790	+3.241
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	36.420	48.022	+11.602
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	137	247	+110
2. Tài sản cố định	220-BCĐKT	30.133	36.504	+6.371
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	19.829	17.956	-1.873
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	10.304	9.920	-384
3. Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	4.460	7.840	+3.380
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	197	197	0
5. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	1.493	3.234	+1.741
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	54.548	70.048	+15.500
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	47.967	59.813	+11.846
Trong đó: <i>Nợ quá hạn</i>		0	0	0
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	4.580	10.235	+5.655
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	77.818	94.532	+16.714
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	77.783	94.497	+16.714
Trong đó: <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411-BCĐKT	36.754	36.754	0
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	34	34	0
CỘNG TÀI SẢN (I+II)/NGUỒN VỐN (III+IV)	270/440	130.366	164.580	+34.214

Nhìn chung, tài sản và nguồn vốn đều tăng so với 2020. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, bảo toàn vốn đối với cổ đông, thực hiện tốt các chính sách xã hội...đối với người lao động

4 – Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ Tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2021	Tăng/Giảm
I. Kết quả kinh doanh:				
1. Tổng doanh thu		198.218	285.083	+86.865
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	197.599	284.511	+86.912
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	151	528	+377
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	468	44	-424
2. Tổng chi phí		183.016	255.138	+72.122
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	15.202	29.945	+14.743
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30-BCKQKD	15.278	31.982	+16.704
- Lợi nhuận khác	40-BCKQKD	-76	-2.037	+1.961
4. Tổng lợi nhuận sau thuế	60-BCKQKD	13.012	23.734	+10.712
II. Chỉ tiêu khác:				

1. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		19,54	31,68	+12,14
2. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		70,12	74,12	+4,00

II. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2022:

1- Kế hoạch SXKD và Đầu tư của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2021	KH Năm 2022	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	1	2	3=2:1	4
I. Kế hoạch SXKD:				
1 - Doanh thu thuần	284.511	296.330	104,15	
2 - Lợi nhuận trước thuế	29.945	22.030	73,56	
3 - Tỷ lệ chia cổ tức (%)	30	30	100,00	
II. Kế hoạch Đầu tư:				
1 - XDCB	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	14.408	12.100	84,10	
Cộng	14.408	12.100	84,10	

2 - Các giải pháp thực hiện kế hoạch: Tình hình kinh tế xã hội thị trường trong và ngoài nước năm 2022 có những thuận lợi, nhưng cũng nhiều biến động khó dự kiến. Năm 2022 Công ty phấn đấu:

- Tập trung đẩy mạnh sản xuất và cung ứng gắng tay đáp ứng nhu cầu của thị trường (nhu cầu giảm mạnh do dịch Covid-19 từng bước được kiểm soát), chú ý thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo khuyến cáo của cơ quan y tế, cải thiện môi trường làm việc, để bảo vệ sức khỏe CBCNV của Công ty.
- Triển khai thực hiện các giải pháp về bán hàng và marketing, về tổ chức quản lý sản xuất, giải pháp về tài chính và các giải pháp khác do HĐQT đề ra, nhằm giữ vững và mở rộng thị trường, từng bước đưa một số mặt hàng mới ra thị trường một cách vững chắc.
- Công tác tổ chức: Kiện toàn bộ máy, tăng cường trách nhiệm cá nhân; Rà soát lại các văn bản quản trị để sửa đổi, bổ sung; Duy trì việc phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm hợp lý hóa sản xuất gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả kinh doanh của công ty với thu nhập người lao động.
- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm, tiếp tục khai thác những tiềm năng về cơ sở vật chất sẵn có (mặt bằng, máy móc thiết bị, vốn...); thực hiện một số giải pháp để tăng cường hiệu lực quản lý và hiệu quả trong hoạt động quản trị. Thực hiện tốt ISO 9001, ISO 13485 và 5S-Kaizen.
- Trong từng tuần, tháng đề ra mục tiêu, giải pháp cụ thể cho từng bộ phận, đơn vị thực hiện kế hoạch đã đề ra. Giải quyết hàng hóa kém, mất phẩm chất, nợ khó đòi, TSCĐ không sử dụng...

Ban Tổng giám đốc mong nhận được những ý kiến góp ý của HĐQT và của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)



Ch. LƯU TIẾN CẢO

BÁO CÁO**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021**

Căn cứ luật chứng khoán số 54/2009/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty Cổ Phần Merufa;

Căn cứ và tình hình sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính của Công ty niên độ tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY- CN tại TP.HCM

I. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2021**1. Kết quả hoạt động kinh doanh:**

Đơn vị tính: Triệu VND

Nội dung	Kế hoạch 2021	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021/ KH2021	Năm 2021/ TH2020
1	2	3	4	5	6
Tổng doanh thu	248.064	284.974	197.826	114.9%	144.1%
Lợi nhuận trước thuế	17.056	29.945	15.202	175.6%	197.0%
Lợi nhuận sau thuế	13.645	23.723	13.012	173.9%	182.3%
Lãi cơ bản trên CP(EPS)	3.712	6.455	3.540	173.9%	182.3%
Cổ tức	30%	15%			

Đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 là 284.974 triệu đồng, đạt 114.9 % so với kế hoạch và tăng 44.1% so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế thực năm 2021 là 29.945 triệu đồng, đạt 175.6 % so với kế hoạch, tăng 97.0 % so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 là 23.793 tỷ đồng, đạt 173.9 % so với kế hoạch, tăng 82.3 % so với cùng kỳ năm 2020.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) năm 2021 là 6.455 đồng, năm 2020 là 3.540 đồng, tăng 2.915 đồng, tương đương 82.3 % so với năm 2020.

2. Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tóm tắt)

Tại ngày 31/12/2021

TÀI SẢN	31/12/2021	31/12/2020	Ghi chú
A. Tài sản ngắn hạn	116.558.402.630	93.945.770.724	24,07%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.323.331.310	8.942.179.095	-18,10%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	41.891.565.317	46.617.754.380	-10,14%
IV. Hàng tồn kho	62.553.738.859	36.837.298.396	69,81%
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.789.767.144	1.548.538.853	209,31%
B. Tài sản dài hạn	48.021.626.408	36.420.426.432	31,85%
Tài sản cố định vô hình	9.919.892.780	10.303.886.576	-3,73%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	164.580.029.038	130.366.197.156	26,24%
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	70.048.016.867	52.548.145.723	33,30%
I. Nợ ngắn hạn	59.812.895.593	47.967.647.174	24,69%
II. Nợ dài hạn	10.235.121.274	4.580.498.549	123,45%
D. Vốn chủ sở hữu	94.532.012.171	77.818.051.433	21,48%
I. Vốn chủ sở hữu	94.497.679.382	77.783.718.644	21,49%
I. Vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ)	36.754.040.000	36.754.040.000	0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	164.580.029.038	130.366.197.156	26,24%

3. Một số chỉ tiêu tài chính

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.95	1.96	(0.01)
2	Tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản	0.43	0.4	
3	Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.74	0.67	
4	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	14.4%	10 %	4.4 %
5	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS)	8.3 %	6.6 %	1.7 %
6	Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	25.1 %	16.7 %	8.4 %
7	Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (VNĐ)	25.711	21.173	4.538

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2021 là 1.95 cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty được đảm bảo. Hệ số thanh toán ngắn hạn 2021 của Công ty thấp hơn so với cùng kỳ năm 2020 là 0.01

- Qua các hệ số nợ cho thấy tình hình nợ của Công ty là tương đối đảm bảo, an toàn so với tổng tài sản: tỷ lệ nợ trên tổng tài sản là 0.43 và tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 0.74.

- Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần (ROS) năm 2021 là 8.3 %, tăng thêm 1.7 % so với cùng kỳ năm 2020 (6.6 %).

- Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2021 là 25.1 %, tăng thêm 8.4 % so với cùng kỳ năm 2020 (16.7 %).

- Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu năm 2021 là 25.711 đồng/cp , năm 2020 là 21.173 đồng, tăng 4.538 đồng mỗi cổ phiếu.

II. Kết quả các hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đảm bảo chế độ họp định kỳ theo đúng quy định và các cuộc họp đột xuất khi có nhu cầu, đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và ban hành

các Nghị quyết theo đúng thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ Công ty và pháp luật của Nhà nước.

- Chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ Ban điều hành trong thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đúng Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Đối với các hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành đã hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận 2021 so với kế hoạch của HĐQT và ĐHCĐ giao.

- Tích cực theo dõi thu hồi công nợ đúng hạn, hạn chế rủi ro nợ xấu cho Công ty. Sớm đưa các dây chuyền sản xuất vào vận hành, đảm bảo tính ổn định về năng suất và chất lượng như các dự toán đã trình HĐQT phê duyệt.

- Cân đối dòng tiền, sử dụng hiệu quả vốn vay, lưu ý vấn đề công nợ, hạn chế rủi ro công nợ xấu.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông:

- Các cuộc họp trực tiếp của HĐQT đều có thông báo đến Ban kiểm soát, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2021 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát.

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT.

- Trong năm Công ty đã hoàn thành 1 phần chia cổ tức theo NQ ĐHCĐ 2021 như sau: chia cổ tức 15% bằng tiền (đã hoàn tất tháng 08/2021), chia cổ tức bằng cổ phiếu 15% và chia cổ phiếu thưởng 70% (chưa hoàn thành) do có chênh lệch 11.319 cp giữa giấy phép kinh doanh và số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty.

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo.

- Trong năm 2021 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2021

- Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

Bám sát với NQ ĐHCĐ năm 2021, Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2021 là 111.200.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền thù lao năm 2021 (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng ban	36.000.000	Được bổ nhiệm ngày 24/04/21
2	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	20.800.000	Được bổ nhiệm ngày 24/04/21
3	Trương Thị Thanh Thủy	Thành viên	33.600.000	Được bổ nhiệm ngày 24/04/21
4	Hồ Thị Quế	Thành viên	10.400.000	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
5	Nguyễn Thị Hồng Cúc	Thành viên	10.400.000	Miễn nhiệm ngày 24/04/2021
	Tổng cộng		111.200.000	

Trên đây là Báo cáo của năm 2021 Ban kiểm soát.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Lưu VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Nguyễn Kim Hậu



SINCE 1987

Số: 82/BC-HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh

Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161

Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn

ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ MERUFA

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP MERUFA

Theo Luật Doanh nghiệp, hàng năm Hội đồng quản trị phải báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thương niên tối thiểu một số vấn đề sau: Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành; Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác; Các kế hoạch trong tương lai; Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị... Nay HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

1- Kết quả hoạt động SXKD trong năm của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Tổng giá trị tài sản	130.366	164.580	126,2	
2 - Doanh thu thuần	197.599	284.510	144,0	
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.278	31.982	209,3	
4 - Lợi nhuận khác	- 76	-2.037	2.680,3	
5 - Lợi nhuận trước thuế	15.202	29.945	197,0	
6 - Lợi nhuận sau thuế	13.012	23.723	182,3	
7 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30% (*)	100,00	(*) là số KH dự kiến chia

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

2.1 Đầu tư XDCB và mua sắm thiết bị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4:3	6
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	2.492	32.000	14.408	45,0	
1 - XDCB	546	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	1.946	32.000	14.408	45,0	

ĐHĐCĐ bất thường tháng 9/2020 đã thông qua “Dự án đầu tư PXGA-2” với số vốn 230 tỷ đồng, nhưng chưa thông qua Phương án phát hành cổ phiếu - để huy động vốn thực hiện Dự án. Đến cuộc họp HĐQT mở rộng tháng 01/2021 quyết định tạm ngừng, không thực hiện Dự án và đã báo cáo trong ĐHĐCĐ gần nhất (ngày 24/4/2021), Đại hội đã nhất trí không thực hiện Dự án.

2.2 Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: *Không*
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: *Không*
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:
- + Công ty Cổ phần SAM holdings (SAM): Tính đến 31/12/2020 có 67.774 cổ phần, giá gốc 196,8 triệu đồng, giá đóng cửa ngày 31/12/2021: 25.750 đồng/cổ phiếu; giá ngày 10/03/2022: 19.150 đồng/cổ phiếu;

3 - Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Công ty

- Công ty hoạt động theo đúng nội dung của “Giấy đăng ký kinh doanh”, chấp hành chính sách, pháp luật Nhà nước về hoạt động kinh doanh.
- Giám sát chặt chẽ Công ty, đảm bảo hoạt động theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông và những quyết định của Hội đồng quản trị về doanh thu, lợi nhuận... kết quả năm 2021 đã có lãi vượt chỉ tiêu Kế hoạch (lớn hơn lãi 3 năm trước liền kề cộng lại); Giám sát tình hình đầu tư XDCB và mua sắm máy móc thiết bị;
- Giữ được thị trường găng tay, nút chai và condom, cố gắng ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập của người lao động, thực hiện các chính sách đối với người lao động.
- Công tác tổ chức quản lý đã được củng cố nên năng lực quản trị và hiệu quả công việc được cải thiện. Kiên quyết thay đổi đối với những cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ thuế, BHXH... đối với nhà nước, thực hiện tốt chính sách xã hội (nuôi dưỡng thương binh...);
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, PCCC, giữ vững an ninh trật tự và vệ sinh môi trường v.v... Thông qua việc giao nhiệm vụ và kiểm tra thường xuyên. Đặc biệt đã thực hiện tốt 5S-Kaizen, thực hiện “3 tại chỗ” và phòng chống dịch Covid-19 có kết quả, duy trì và ổn định sản xuất.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị :

Stt	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2017- 2022)	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	06/5/2017-24/4/2021	2/2	100%	
2	Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên	06/5/2017-24/4/2021	2/2	100%	
3	Ông Phạm Xuân Mai	Thành viên	06/5/2017-24/4/2021	2/2	100%	
4	Ông Phạm Kim Hải	Thành viên	06/5/2017-24/4/2021	2/2	100%	
5	Bà Nguyễn thị Thanh Thủy	Thành viên	14/12/2017-24/4/2021	2/2	100%	
6	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	20/06/2020-24/4/2021	2/2	100%	
Stt	Thành viên HĐQT (Nhiệm kỳ 2021- 2026)	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	29/4/2021	5/5	100%	
2	Ông Lưu Tiến Cáo	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
3	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
4	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	
5	Ông Vũ Chinh	Thành viên	24/4/2021	5/5	100%	

Năm 2021 là năm HĐQT có nhiều cuộc họp đề củng cố tổ chức, chỉ đạo Công ty - do tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục có nhiều biến động và trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Cụ thể: Thông qua các Dự án đầu tư, trao đổi thảo luận kỹ về các phương án huy động vốn, từ đó đã có những giải pháp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh;

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm, HĐQT bám sát hoạt động của Công ty, của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT thường xuyên có mặt ở công ty để giải quyết những vướng mắc. Ban TGD có sự phân công nhiệm vụ và có

sự hỗ trợ giúp đỡ nhau, HĐQT luôn đồng hành cùng Ban TGD bám sát sản xuất, kịp thời đề ra những biện pháp về tổ chức, quản lý cũng như những giải pháp kỹ thuật, cải tiến công nghệ... nên SXKD đã có lãi vượt chỉ tiêu kế hoạch năm.

Đặc biệt khi triển khai đầu tư Dây chuyền GKT-01 và GKT-02 (sau khi HĐQT phê duyệt và quyết định thành lập Ban quản lý Dự án, trong đó Chủ tịch HĐQT là Trưởng ban), thì Chủ tịch HĐQT rất tích cực tham gia khảo sát, đánh giá và chọn nhà thầu, lựa chọn giải pháp thiết kế thi công để đạt kết quả cao nhất (chất lượng Dây chuyền tốt, giá thành hợp lý và thuận tiện cho việc cải tiến, nâng cấp trong tương lai);

III. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty luôn chú ý thực hiện đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, trong đó có việc đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp với từng thời kỳ phát triển của công ty, kịp thời thông qua các Nghị quyết để Công ty giải quyết những khó khăn, để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong năm Hội đồng quản trị họp 07 lần có ghi Biên bản và có ra Nghị quyết về nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, không kể các buổi họp chuyên đề về một số nội dung cụ thể, có 1-2 thành viên HĐQT tham dự và chỉ đạo./.

IV. LƯƠNG, THƯỞNG, THỦ LAO CỦA HĐQT

Các thành viên HĐQT được hưởng các khoản phụ cấp hàng tháng năm 2021 như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp HĐQT	Thưởng vượt KH 2020 (*)	Cộng	Ghi chú
1	Ông Vũ Văn Minh	Chủ tịch	0	82.000.000	0	82.000.000	(*) Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận 2020 cho 06 thành viên HĐQT Nhiệm kỳ IV, đang bị tạm ghi số nợ theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021, nên không đưa số tiền vào Báo cáo.
2	Ông Lưu Tiến Cao	Thành viên	0	54.000.000	0	54.000.000	
3	Ông Phạm Xuân Mai	Thành viên	0	18.000.000	0	18.000.000	
4	Ông Phạm Kim Hải	Thành viên	0	18.000.000	0	18.000.000	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	0	18.000.000	0	18.000.000	
6	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	0	54.000.000	0	54.000.000	
7	Ông Hoàng Minh Dũng	Thành viên	0	36.000.000	0	36.000.000	
8	Ông Vũ Chinh	Thành viên	0	36.000.000	0	36.000.000	

V. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG 2022:

1 - Các chỉ tiêu KH SXKD

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	2	3	4=3/2	5
1 - Doanh thu thuần	284.511	296.330	104,15	
2 - Lợi nhuận trước thuế	29.945	22.030	73,56	
3 - Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	30	30(*)	100,00	(*) là số Dự kiến chia.

2 - Các khoản đầu tư trong năm của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2021	TH 2021	KH 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
Tổng giá trị Đầu tư, trong đó:	32.000	14.408	12.100	
1 - XDCB	0	0	0	
2 - Mua sắm thiết bị	32.000	14.408	12.100	

3 - Các giải pháp thực hiện kế hoạch: Tình hình kinh tế xã hội thị trường trong và ngoài nước năm 2022 do dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến khó lường, có nhiều khó khăn, nhưng cũng có những thuận lợi, để thực hiện chiến lược, mục tiêu cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo đúng pháp luật Nhà nước. Công ty phấn đấu thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm, với các giải pháp về bán hàng và marketing (giữ

VH

vững thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu), về tổ chức quản lý sản xuất, về tài chính... Với những kế hoạch, chỉ tiêu cụ thể, có kiểm soát, kiểm điểm tổng kết đánh giá, khuyến khích sáng kiến, đổi mới sáng tạo, gắn tiền lương thu nhập với kết quả thực hiện nhiệm vụ, cải tiến công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn ở mức cao; công tác quản lý phải cải thiện và nâng cao, gắn với sự phát triển của công nghệ số... Tiếp tục thực hiện được chỉ tiêu đầu tư mua sắm thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất.

Ngoài những giải pháp chủ yếu trên đây, trong từng tháng, quý căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty HĐQT có những giải pháp cụ thể. Hội đồng quản trị mong nhận được những ý kiến góp ý của Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH

BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021
Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Stt No.	Tình hình thực hiện The implementation																
1	02/NQ-ĐHĐCĐ	24/04/2021	<p>Điều 1: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các báo cáo tại Đại hội bao gồm: (1) Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng Giám Đốc; (2) Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY; (3) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021; (4) Báo cáo của HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.</p> <p>Điều 2: Đại hội đồng Cổ đông thông qua các tờ trình báo cáo tại Đại hội của Hội đồng quản trị bao gồm: (1) Tờ trình thông qua các báo cáo của HĐQT, Ban TGD, (2) Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã kiểm toán; (3) Tờ trình phân phối lợi nhuận 2020: chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 30% (trong đó 15% chia cổ tức bằng tiền mặt và 15% chia cổ tức bằng cổ phiếu), không trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng; (4) Tờ trình thông qua chỉ tiêu Kế hoạch 2021 và phân phối lợi nhuận 2021 (trong đó cổ tức 30%/vốn điều lệ tính đến ngày 24/04/2021); (5) Tờ trình thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021; (6) Thông qua tờ trình của Ban kiểm soát về việc “lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021” (có bổ sung thêm 02 đơn vị kiểm toán - Công ty A&C và Công ty UHY), Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị đánh giá lựa chọn đơn vị kiểm toán và chỉ đạo triển khai thực hiện.</p> <p>Điều 3: Thông qua báo cáo phương án phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 100:70 (cứ 100 cổ phiếu cũ được thưởng 70 cổ phiếu mới) để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tờ trình ngày 24 /04/2021.</p> <p>Điều 4: Đại hội đồng cổ đông Thông qua tờ trình về Bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2017-2022) và bầu lại Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Nhiệm kỳ V (2021-2026) số 91/2021/TTr-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.</p> <p>Điều 5: Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát gồm 03 thành viên cho nhiệm kỳ V (2021- 2026).</p> <p>Danh sách thành viên Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ V (2021- 2026):</p> <table border="1"> <tr><td>1.</td><td>Ông Lưu Tiến Cáo</td></tr> <tr><td>2.</td><td>Ông Vũ Văn Minh</td></tr> <tr><td>3.</td><td>Ông Bùi Minh Tuấn</td></tr> <tr><td>4.</td><td>Ông Hoàng Minh Dũng</td></tr> <tr><td>5.</td><td>Ông Vũ Chính</td></tr> </table> <p>Danh sách thành viên Ban kiểm soát Nhiệm kỳ V (2021- 2026):</p> <table border="1"> <tr><td>1.</td><td>Bà Trương Thị Thanh Thủy</td></tr> <tr><td>2.</td><td>Ông Lê Minh Tuấn</td></tr> <tr><td>3.</td><td>Bà Nguyễn Kim Hậu</td></tr> </table>	1.	Ông Lưu Tiến Cáo	2.	Ông Vũ Văn Minh	3.	Ông Bùi Minh Tuấn	4.	Ông Hoàng Minh Dũng	5.	Ông Vũ Chính	1.	Bà Trương Thị Thanh Thủy	2.	Ông Lê Minh Tuấn	3.	Bà Nguyễn Kim Hậu	1	<p>Điều 1: Đã thực hiện</p> <p>Điều 2: Đã thực hiện điểm (1), (2), (5) và điểm (6). Riêng điểm (3) đã chi cổ tức bằng tiền 15%, Cổ tức bằng cổ phiếu 15% chưa thực hiện do vốn điều lệ không bằng vốn thực góp trong Giấy đăng ký kinh doanh nên Ủy ban chứng khoán nhà nước đề nghị công ty điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp quy định và báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM. Sau khi có kết quả giải quyết của Sở Kế hoạch đầu tư thì Ủy ban chứng khoán nhà nước mới tiếp tục xem xét hồ sơ Công ty. Điểm (4) Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra cụ thể: Doanh số đạt 285.000 triệu đồng (KH năm 2021 là 248.064 triệu đồng) vượt 15%, Lợi nhuận đạt 30.034 triệu đồng (KH năm 2021 là 17.056 triệu đồng) vượt 76.1%.</p> <p>Điều 3: Trong quá trình thực hiện UBCK đề nghị gộp chung với phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phải thực hiện điều chỉnh vốn điều lệ = vốn thực góp trên giấy ĐKDN như Điểm 3 của Điều 2.</p> <p>Điều 4: Đã thực hiện</p> <p>Điều 5: Đã thực hiện</p>
1.	Ông Lưu Tiến Cáo																				
2.	Ông Vũ Văn Minh																				
3.	Ông Bùi Minh Tuấn																				
4.	Ông Hoàng Minh Dũng																				
5.	Ông Vũ Chính																				
1.	Bà Trương Thị Thanh Thủy																				
2.	Ông Lê Minh Tuấn																				
3.	Bà Nguyễn Kim Hậu																				



		<p>Điều 6: Thông qua Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần MERUFA.</p> <p>Điều 7: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần MERUFA.</p> <p>Điều 8: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần MERUFA.</p> <p>Điều 9: Thông qua tờ trình về thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p> <p>Điều 10: Thông qua chuyển giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần MERUFA (mã MRF) từ UPCOM lên sàn giao dịch tại HNX.</p> <p>Đại hội ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tổ chức thực hiện, quyết định thời điểm hoàn thành thủ tục liên quan đến việc chuyển giao dịch cổ phiếu MRF từ UPCOM lên HNX.</p> <p>Điều 11: Hủy quyết định thông qua Dự án phân xưởng Găng số 2 (PXGA2).</p> <p>Điều 12: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần MERUFA.</p> <p>Quyết nghị này đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>		<p>Điều 6: Đã thực hiện</p> <p>Điều 7: Đã thực hiện</p> <p>Điều 8: Đã thực hiện</p> <p>Điều 9: Đã thực hiện</p> <p>Điều 10: Chưa thực hiện vì phải thực hiện xong phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng thì mới thực hiện được việc chuyển sàn.</p> <p>Điều 11: Đã thực hiện</p> <p>Điều 12: Đã và đang thực hiện theo các điều kiểm điểm trên.</p>
--	--	--	--	---

TPHCM, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MERUFA

Ks. Vũ Văn Minh





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 94/BC-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

*“Về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức,
phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
và chuyển sàn từ upcom sang sàn HNX*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Luật Doanh Nghiệp năm 2020;
- Luật chứng khoán năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Merufa số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021; Tờ trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Tờ trình phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về báo cáo các nội dung như sau:

1. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu: Công ty hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Chuyển sàn từ sàn Upcom sang sàn HNX: Chưa thực hiện được vì việc chuyển sàn chỉ thực hiện sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của Chủ sở hữu được thực hiện xong.

Công ty xây dựng lại việc phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2022

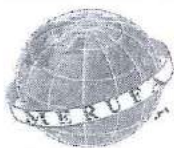
Xem các tờ trình liên quan sau:

1. Tờ trình số 95/TT-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2022 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2. Tờ trình số 96/TT-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2022 về thông qua lại Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch (UPCoM) sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
3. Tờ trình số 84/TT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2022 về điều chỉnh vốn điều lệ bằng vốn thực góp trên giấy đăng ký doanh nghiệp.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.





SINCE 1987

Số: 94/TT-DHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo của HĐQT, TGD”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2021 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Báo cáo của HĐQT năm 2021; KH 2022 và định hướng phát triển.
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

(Các báo cáo đính kèm theo tờ trình này)

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

Số: 83 /TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

*“Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2021
đã kiểm toán”*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính 2021 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Nội dung toàn bộ Báo cáo quyết toán tài chính 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán (kèm theo tờ trình này).

Kết quả kinh doanh là:

- + Doanh thu thuần năm 2021: 284.510.882.094 đồng;
- + Lợi nhuận kế toán trước thuế: 29.945.351.270 đồng;

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Chủ tịch

(Ký tên và đóng dấu)



Ks. VŨ VĂN MINH



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
 Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
 Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
 ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 80/TT-DHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
“V/v phân phối lợi nhuận năm 2021”

Kính gửi: - Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 24/4/2021;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 11/06/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

STT	NỘI DUNG	Đv tính: Đồng	Đv tính: Đồng	Ghi chú
		SỐ TIỀN HĐQT ĐỀ XUẤT	SỐ TIỀN ĐHĐCĐ THÔNG QUA	
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	31,459,087,138	31,459,087,138	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2020 (MS 421a – BCĐKT)	7,735,402,745	7,735,402,745	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (MS 421b – BCĐKT)	23,723,684,393	23,723,684,393	
II	Phát hành cổ phiếu thưởng (70% x VCP) <i>(Tổng số cổ phiếu thưởng tương đương số tiền: 25.701.220.000 đồng. Trích từ nguồn: (1) Quỹ đầu tư phát triển: 23.176.148.641 đồng; (2) Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng; (3) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.273.046.859 đồng)</i>	1,273,046,859	1,273,046,859	
III	Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (15% x VCP) [36.716.040.000 x 15%]	5,507,406,000	5,507,406,000	
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức năm 2021 (I-II-III)	24,678,634,279	24,678,634,279	
V	Phân phối lợi nhuận (1+2)	22,860,556,454	23,726,770,830	
1	Chi cổ tức năm 2021 (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000	
2	Trích lập các quỹ:	11,845,744,454	10,611,812,740	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển: Cột 1 (45% x LNST) và Cột 2: (40% x LNST)	11,105,385,426	9,871,453,712	DHĐCĐ Điều chỉnh 40%
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	246,786,343	246,786,343	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	493,572,686	493,572,686	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0	
2.5	Tiền thưởng vượt lợi nhuận năm 2020		2,100,146,090	
VI	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2021 (IV-V)	1,818,077,825	951,863,449	

Ghi chú: Vốn cổ phần (VCP) là 36.754.040.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 36.716.040.000 đồng (3.671.604 cổ phiếu).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua
 Trân trọng cảm ơn.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
 Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
 Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
 Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
 ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 81/TT-ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
“V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022”

Kính gửi: - Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022.

Đơn tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN HỢQT ĐỀ XUẤT	SỐ TIỀN ĐHĐCĐ THÔNG QUA	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1+2)	19,442,077,825	18,575,863,449	
1	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối lũy kế đến cuối năm 2021 (MS 421a – BCĐKT)	1,818,077,825	951,863,449	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (MS 421b – BCĐKT)	17,624,000,000	17,624,000,000	
II	Phân phối lợi nhuận (1+2)	17,430,697,682	17,144,846,938	
1	Chi cổ tức năm 2022 (30% x VCP) [36.716.040.000 x 30%]	11,014,812,000	11,014,812,000	
2	Trích lập các quỹ:	6,415,885,682	6,130,034,938	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển (30% x LNST)	5,832,623,348	5,572,759,035	
2.2	Quỹ hỗ trợ kinh doanh (1% x LNST)	194,420,778	185,758,634	
2.3	Quỹ Hội đồng quản trị (2% x LNST)	388,841,557	371,517,269	
2.4	Quỹ Phúc lợi và Quỹ Khen thưởng (0% x LNST)	0	0	
III	Tổng lợi nhuận sau thuế giữ lại sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022 (I-II)	2,011,380,143	1,431,016,511	

Ghi chú: Vốn cổ phần (VCP) là 36.754.040.000 đồng – Cổ phiếu quỹ: 38.000.000 đồng = 36.716.040.000 đồng (3.671.604 cổ phiếu).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua
 Trân trọng cảm ơn.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 02/BC_BKS/MRF/2022

Tp.Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN **Thực hiện việc soát xét Báo cáo tài chính năm 2022**

- Căn cứ vào Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;

Việc lựa chọn Công ty kiểm toán do Đại hội đồng thường niên quyết định và cần thỏa mãn các điều kiện sau:

- Được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức.
- Trung thực và đề cao đạo đức nghề nghiệp, có uy tín để tăng cường mức độ tin nhiệm cũng như sự tin tưởng của người đọc báo cáo tài chính.
- Tư vấn, hỗ trợ MERUFA trong việc hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công việc hạch toán kế toán.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

Theo tiêu chuẩn ở trên nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, Ban kiểm soát kính trình Hội đồng quản trị và đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán sau, để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

- 1) **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**
Địa chỉ: Tòa nhà Galaxy, 02 Trường Sơn, Phường 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM
SĐT: 028.35472972
- 2) **Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**
Địa chỉ: Lầu 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Q.4, Tp.HCM
SĐT: 028.39450606/0505
- 3) **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam**
Địa chỉ: Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa kảo, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 02838275026
- 4) **Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - CN tại Tp.HCM**
Địa chỉ: 63b Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
SĐT: 028.34999222

Kính trình đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi gửi:

- Cổ đông (thông qua đại hội);
- Hội đồng quản trị;
- Các thành viên Ban Kiểm soát.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 95/TT-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

*“Về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và
phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu”*

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Merufa số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021; Tờ trình phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Tờ trình phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua việc ngừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, theo nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021.
Lí do: Công ty hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh vốn điều lệ bằng với vốn thực góp trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết rút hồ sơ đã triển khai và xin phép đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
3. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 và Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (Phương án đính kèm).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2021 VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TĂNG VỐN CỔ PHẦN TỪ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Merufa;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty cổ phần Merufa.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ đăng ký:** 36.867.230.000 đồng
5. **Vốn điều lệ thực góp:** 36.754.040.000 đồng
6. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 3.675.404 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 3.671.604 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 3.800 cổ phiếu

7. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến:

- Vốn điều lệ thực góp trước phát hành : 36.716.040.000 đồng
- Vốn điều lệ dự kiến tăng : 31.208.620.000 đồng

Trong đó:

- Số vốn điều lệ dự kiến tăng để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021 (15%) : 5.507.400.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (70%) : 25.701.220.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành dự kiến : 67.962.660.000 đồng



II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỤ THỂ

A. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021

- Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 550.740 cổ phiếu.
 - Giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 5.507.400.000 đồng (Bằng chữ: năm tỷ năm trăm lẻ bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).
 - Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 15%
 - Tỷ lệ thực hiện quyền:** 100:15 Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 100 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
 - Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 105 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15, cổ đông A được nhận $(105/100 \times 15 = 15,75)$ 15 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ 0,75 Cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.
 - Nguồn vốn:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
 - Thời gian thực hiện:** Thời gian dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ thực hiện cùng 01 thời điểm trong năm 2022 (cùng ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền), sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
 - Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung:** Số cổ phần phát hành để trả cổ tức sẽ được đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
 - Thông qua việc thay đổi Văn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Văn điều lệ tại Điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có công văn của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.
- ### B. Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
- Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông. Thời điểm chốt danh sách được ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.
 - Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 2.570.122 cổ phiếu.

0478
ÔNG
CỔ P
AER
VHUÂN

3. **Giá trị phát hành tính theo mệnh giá:** 25.701.220.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ bảy trăm lẻ một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).
4. **Tỷ lệ số lượng cổ phiếu phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ số lượng cổ phiếu đang lưu hành):** 70%
5. **Tỷ lệ thực hiện quyền:** 10:7 Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền nhận thêm cổ phiếu. Cứ 10 quyền nhận thêm cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
6. **Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có):** Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 104 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ thực hiện quyền 10:7, cổ đông A được nhận $(104/10*7 = 72,80)$ 72 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, cổ đông A được nhận thêm 72 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ 0,80 Cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.

7. Nguồn vốn phát hành:

- Thặng dư vốn cổ phần: 1.252.024.500 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển: 23.176.148.641 đồng
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 1.273.046.859 đồng

Theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

8. **Thời gian thực hiện:** Thời gian dự kiến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ thực hiện cùng 01 thời điểm trong năm 2022 (cùng ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền), sau khi nhận được sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
9. **Đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung:** Số cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định pháp luật.
10. **Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ:** Thông qua việc thay đổi Vốn điều lệ tại Điều lệ công ty và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có công văn của UBCKNN về việc nhận đầy đủ Báo cáo kết quả phát hành.

III. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành, thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan chức năng để đăng ký phát hành, đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.



- Thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên và thay đổi thời gian thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN.
- Các vấn đề khác có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ được thành công.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.





SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 96/TT-ĐHĐCĐ

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch (UPCoM) sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Merufa.

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Merufa đang được giao dịch trên hệ thống UPCoM với mã chứng khoán MRF. Để tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, nâng cao hình ảnh, quảng bá thương hiệu Công ty trên thị trường và đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chuyển sàn giao dịch cổ phiếu MRF của Công ty cổ phần Merufa từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu MRF của Công ty Cổ phần Merufa và chuyển sang đăng ký niêm yết cổ phiếu MRF tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi Công ty đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định pháp luật, cụ thể như sau:
 - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Merufa
 - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
 - Mã cổ phiếu: MRF
 - Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch chuyển sang đăng ký niêm yết tại SGĐCK Hà Nội: toàn bộ số lượng cổ phiếu MRF tại thời điểm đăng ký niêm yết cổ phiếu tại SGĐCK Hà Nội.
 - Thời gian thực hiện: Dự kiến trong năm 2022.



- Giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm triển khai thực hiện cụ thể, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan và quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chuyển nhượng giao dịch cổ phiếu từ đăng ký giao dịch sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)

Ks. VŨ VĂN MINH





SINCE 1987

Số: 84/TT-HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84-28).3765.4160 - Fax: (+84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Điều chỉnh vốn điều lệ đăng ký bằng vốn thực góp để thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

Kính gửi: - Đại hội Đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Merufa;

Căn cứ vào công văn của Ủy ban chứng khoán nhà nước số 7333/UBCK-QLCB ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu, Ủy ban chứng khoán nhà nước đề nghị công ty **điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp quy định** và báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh xem xét và xử lý theo thẩm quyền. Sau khi có kết quả giải quyết của Sở Kế hoạch đầu tư thì Ủy ban chứng khoán nhà nước mới tiếp tục xem xét hồ sơ Công ty.

Sau khi rà soát lại số “Vốn điều lệ” hiện tại ghi trên Điều lệ (điều 6) và trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì có sự chênh lệch với “Vốn thực góp” ghi trong Báo cáo tài chính những năm gần đây, nên Ủy ban chứng khoán nhà nước yêu cầu Công ty phải điều chỉnh lại. Nhưng việc điều chỉnh này lại thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Công ty xin giải trình như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Vốn thực góp	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3 = 1-2	4
1	Số vốn điều lệ hiện tại	36.867.230.000	36.754.040.000	113.190.000	
2	Số vốn điều lệ xin Đại hội điều chỉnh.	36.754.040.000	36.754.040.000	0	

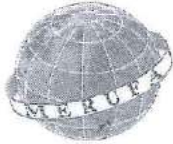
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc điều chỉnh “Vốn điều lệ” cho khớp với “Vốn thực góp”, để làm cơ sở điều chỉnh “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” như trên.

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Lưu Thư ký.





SINCE 1987

Số: 99 /TT-ĐHĐCĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Tp.Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

"V/V Không thu hồi khoản chi thưởng vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV và HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành và Thư ký theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của HĐQT;"

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ luật chứng khoán 2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP MERUFA;
- Căn cứ vào Nghị quyết hội đồng quản trị số 52/NQ-HĐQT ngày 27/08/2021;
- Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 92/NQ-HĐQT ngày 31/03/2022;

Công ty Cổ phần MERUFA, kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua việc Không thu hồi khoản chi thưởng vượt KH Lợi nhuận 2020 của CBCNV và HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành và Thư ký theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 27/8/2021 của HĐQT và theo đề nghị số 143/GĐN-CT ngày 25/03/2022 của Ban điều hành;

(Báo cáo đính kèm đề nghị số 143/GĐN-CT ngày 25/03/2022)

Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- HĐQT.
- Lưu BKS, VT.





SINCE 1987

Số: 143/GĐN- CT

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Tp.Hồ Chí Minh ngày 25 tháng 03 năm 2022

Công Ty Cổ Phần Merufa
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Merufa
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=Công Ty Cổ Phần Merufa, O=0.0.2942.1520990.100.1, e=MS.T.0300478598
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.04.01 17:35:25+0700
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

BÁO CÁO VÀ KIẾN NGHỊ

Về việc không thu lại khoản tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020 đã chia cho CBCNV Công ty.

**Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Merufa.
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa.
- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Merufa.**

Hôm nay, trong cuộc họp HĐQT kỳ thứ 8, nhiệm kỳ V, trải qua một thời gian khá dài vất vả, vừa phòng chống dịch Covid-19 vừa duy trì SXKD, Công ty cổ phần Merufa đã thu được những kết quả rất đáng khích lệ: Năm 2021 Doanh thu: 284.511 triệu đồng đạt 115% KH năm và bằng 144% năm 2020; Lợi nhuận: 29.945 triệu đồng, đạt 176% KH năm và bằng 197% năm 2020. Đạt được kết quả đó có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, có những ý kiến góp ý của Ban kiểm soát, của các cổ đông tâm huyết với Công ty và sự cố gắng của toàn thể CBCNV. Mặc dù bối cảnh bên ngoài có những lợi thế và thuận lợi nhất định, nhưng sự cố gắng nỗ lực vượt khó khăn của tất cả tập thể Công ty Merufa rất đáng ghi nhận. Với kết quả đó, đến cuối năm 2021 với “cơ chế mới” HĐQT đã đồng ý trích thưởng cho CBCNV thêm 01 tháng lương (ngoài tháng lương thứ 13), điều đó đã động viên CBCNV rất nhiều trong công tác. Tuy nhiên niềm vui không trọn vẹn, do cạnh tranh trong lòng nỗi lo của CBCNV phải nộp lại khoản “tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận 2020”.

Biết rằng Nghị quyết Hội đồng quản trị số 52/NQ- HĐQT ngày 27/08/2021 đã quyết định thu hồi toàn bộ tiền thưởng cho CBCNV và chờ ĐHCĐ năm 2022 xem xét quyết định (xem nội dung Nghị quyết - đính kèm). Nhưng không vì thế mà CBCNV nản lòng, giảm khí thế sản xuất kinh doanh mà còn đưa ra nhiều giải pháp tốt - sáng kiến hay đã nhiều năm chưa làm được, góp phần vào giảm chi phí sản xuất, chủ động nguồn hàng, ít lệ thuộc vào hàng nhập khẩu. Trong suốt thời gian dịch Covid-19 bùng phát, CBCNV đã thực hiện tốt “3 tại chỗ” và sau đó là thời gian “bình thường mới”, duy trì được SXKD với niềm tin “gái có công, chồng không phụ”, nên kết quả năm 2021 rất tốt, đem lại lợi ích cao cho cổ đông.

Riêng về năm 2020, theo đánh giá của Ban Điều hành Công ty thì đó là năm biến động rất lớn, ảnh hưởng có lợi đến việc tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty, CBCNV đã có nhiều cố gắng làm thêm ngày, thêm giờ, ngày nghỉ... để đáp ứng nhu cầu khách hàng. Ban Điều hành cũng đưa ra những phương án mở rộng và phát triển sản xuất. Trước tiên là khôi phục và đưa vào sử dụng tất cả máy nhúng gang (5 máy đều hoạt động - điều mà trước đến nay, chưa khi nào có được), từ đó sản lượng gang tăng cao. Sau đó đẩy nhanh thực hiện Dự án Găng kiểm tra 01 (kết quả, tuy có chậm, nhưng tháng 7/2021 đã hoạt động ổn định và chi phí đầu tư máy rất tiết kiệm), tiếp đó là Dự án Phân xưởng Găng số 2 (ĐHCĐ bất thường tháng 9/2020 thông qua) với những phương án huy động vốn, phát hành vốn khác nhau, rồi phải kể đến là Dự án Nhà máy Găng mới (đã lập Dự án, nhưng HĐQT xem xét, không thông qua) và nhiều các công việc khác... Việc nhập hàng về kinh doanh cũng khởi sắc số lượng nhập và bán ra tăng lên nhiều (mặc dù giá gang liên tục tăng cả đầu vào và đầu ra). Nhưng việc “bán theo thầu” và các bệnh viện khi giá ổn định là một lợi thế, trong điều kiện này (giá biến động tăng) lại hạn chế kết quả kinh doanh của Công ty, mặc dù Công ty có làm việc với Sở y tế Tp.HCM và các

bệnh viện, nhưng việc điều chỉnh giá thầu là không thể, tuy vậy cũng có được một số thỏa thuận với một số ít Bệnh viện là thanh toán sớm hơn (còn lại nhiều Bệnh viện vẫn nợ nhiều và nợ lâu). Công ty phải đẩy mạnh phân bán tự do (giá cao theo thị trường) và thu tiền ngay, thu tiền trước để bù lại phần lỗ do bán theo thầu cho các Bệnh viện... Nên kết quả chung 2020: Doanh thu đạt 198 tỷ đồng (tăng 90 tỷ so với 2019) và lãi trước thuế là 15,2 tỷ đồng (tăng 6,8 tỷ so 2019 và vượt KH 3,2 tỷ). Đó là kết quả của sự cố gắng rất nhiều của CBCNV, sự ủng hộ của HĐQT, BKS và cổ đông Merufa. Kết quả đạt được năm 2020 cũng rất đáng ghi nhận sự cố gắng của CBCNV, kết quả đó góp phần, tạo đà tiếp thêm động lực cho những thắng lợi của năm 2021.

Mặc dù Nghị quyết Hội đồng quản trị số 52/NQ- HĐQT ngày 27/08/2021 đã quyết định thu hồi toàn bộ tiền thưởng cho CBCNV và chờ ĐHĐCĐ năm 2022 xem xét quyết định. Theo Điều lệ và Quy chế của Công ty, Ban điều hành và toàn thể CBCNV đã chấp hành nghiêm Nghị quyết này, bộ phận kế toán đã hạch toán treo nợ vào tài khoản liên quan, đã báo cáo Ban Kiểm soát và HĐQT. Riêng Công ty kiểm toán cũng đã xác nhận và ghi rõ lưu ý trong Báo cáo Tài chính năm 2021 (đã kiểm toán). So sánh các khoản chi lương, thưởng 2020 và 2021 ta thấy như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng				
TT	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
1	Quỹ lương thực chi	24.359	27.948	
2	Tiền lương tháng 13	1.647	2.500	
3	Tiền thưởng các ngày lễ	237	282	
4	Tiền thưởng Tết từ Quỹ khen thưởng <i>(năm trước)</i>	800	0	(*) Nếu thu 1.826 trở thì Tổng tiền lương và thưởng 2020 chỉ còn lại là: 27.043 triệu đồng./.
5	Tiền thưởng vượt KH	1.826 (*)	2.500	
	Cộng	28.869	33.230	

Năm 2021 với tình hình dịch bệnh kéo dài nhiều người lao động phải tăng chi phí rất nhiều (do phải gửi con về quê, ở nhà chăm sóc con, nhiễm bệnh covid, giá cả sinh hoạt tăng cao... ảnh hưởng đời sống người lao động). Do vậy khoản tiền thưởng vượt lợi nhuận 2020 đã chia cho CBCNV thì họ cũng đã chi tiêu hết, việc thu hồi lại sẽ rất khó khăn. Cụ thể: Chia đợt 1 sau ngày họp ĐHĐCĐ 24/4/2021; chia đợt 2 là ngày 19/7/2021 - khi đó CBCNV đang thực hiện "3 tại chỗ" - để giải quyết khó khăn khi chống dịch. Những khoản tiền này đã giúp CBCNV yên tâm lao động sản xuất và chống dịch. Để giảm bớt khó khăn cho CBCNV Công ty Cổ phần MERUFA, đề nghị Hội đồng quản trị và Đại hội đồng Cổ đông xem xét chiếu cố **không thu hồi lại tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2020** đã chi cho CBCNV, để động viên tinh thần đối với tập thể CBCNV, để họ cố gắng nhiều hơn nữa trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi gửi:

- Như trên.
- HĐQT.
- Lưu BKS, VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cn. LƯU TIẾN CẢO



CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy C64/II đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (+84.28) 3765 4160 Fax: (+84.28) 3765 4161
Email: merufa@merufa.vn Web: <http://www.merufa.com.vn>
ISO 13485:2016 và ISO 9001:2015

Số: 52/NQ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 08 năm 2021

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, do Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành, số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần MERUFA, do Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 24/04/2021;
- Căn cứ vào biên bản họp HĐQT kỳ họp lần 04 nhiệm kỳ V (2021-2026) số 51/BB-HĐQT ngày 27/08/2021.

Nay, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần MERUFA:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Hội đồng quản trị đồng ý việc vay vốn tại Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để bổ sung vốn trung dài hạn thực hiện dự án đầu tư (nâng cấp, cải tạo) dây chuyền sản xuất gang kiểm tra 02, đồng thời quyết định lựa chọn phương án 2 với số vốn vay là 8,6 tỷ đồng.

Điều 2: Hội đồng quản trị đề nghị công ty xây dựng Bản Dự án cụ thể về việc đầu tư Hệ thống Gia nhiệt dầu số 2 cho Dự án máy Găng số 2, 3, 4 và 5 trình HĐQT xem xét thông qua sau khi xem chi tiết trong cuộc họp HĐQT sau.

Điều 3: Hội đồng quản trị thông qua Biên bản họp lần thứ 3, Nhiệm kỳ V (2021-2026) và đề nghị Công ty triển khai thực hiện các công việc đã nêu trong biên bản.

Điều 4: Hội đồng quản trị thống nhất các vấn đề sau:

- (1) Thu hồi 100% số tiền 1.826.213.970 đồng (bằng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm mười ba ngàn, chín trăm bảy mươi đồng) đã chi sai cho Toàn bộ CBCNV trong công ty. Vì đây là quyền của ĐHCĐ.
- (2) Thu hồi 100% số tiền 273.932.120 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, một trăm hai mươi đồng) số tiền đã chi thưởng cho HĐQT, Ban Điều hành, BKS và Ban Thư ký.
- (3) Kế toán hạch toán lại, đồng thời điều chỉnh lại báo cáo tài chính và giải trình cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về nguồn vốn để phát hành cổ phiếu tăng vốn và trả cổ tức bằng cổ phiếu (Tổng là 85%).
- (4) Phần trích thưởng cho CBCNV vượt kế hoạch lợi nhuận 2020 của mục (1) và thưởng cho HĐQT, Ban Điều hành, BKS và Ban Thư ký mục (2) nêu trên để treo vào phần mục phải thu, chờ xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022.

Điều 5: Thành viên HĐQT, Ban TGD, các phòng/ban và cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Ban TGD, P.TV;
- Công bố Thông tin;
- Lưu thư ký HĐQT.





CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; www.merufa.com; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 91/TTr- ĐHĐCĐ

Tp.Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

"V/V báo cáo thù lao năm của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2021 và Phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2022"

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP MERUFA

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ vào Luật chứng khoán 2019;
- Căn cứ vào điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần MERUFA;
- Căn cứ theo nhu cầu thực tế:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần MERUFA, kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua vấn đề thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

1. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2021

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.500.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 4.500.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.600.000 đồng/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị: 2.500.000 đồng/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2021: 457.200.000 đồng

2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2022 đề nghị như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 12.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 6.750.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 6.750.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.900.000 đồng/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị: 3.750.000 đồng/tháng

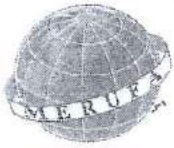
Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi gửi:

- Như trên.
- HĐQT., BKS
- Lưu VT.



Ks Vũ Văn Minh



SINCE 1987

CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Nhà máy: C64/II, Đường số 8, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28).3765.4160 - Fax: (84-28).3765.4161
Website: www.merufa.com.vn; Email: merufa@merufa.vn
ISO 9001:2015 ISO 13485:2016

Số: 89/TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

“Về việc thông qua các Báo cáo chia thưởng tết của HĐQT, BKS năm 2022”

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần MERUFA

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Merufa;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Merufa kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong dịp tết Nguyên đán năm 2022 số tiền: 145.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng chẵn./.) vì hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu đưa ra.

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền
1	Vũ Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	30,000,000
2	Lưu Tiến Cào	Thành viên HĐQT	20,000,000
3	Hoàng Minh Dũng	Thành viên HĐQT	20,000,000
4	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT	20,000,000
5	Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	20,000,000
6	Nguyễn Kim Hậu	Trưởng BKS	15,000,000
7	Trương Thị Thanh Thủy	Kiểm soát viên	10,000,000
8	Lê Minh Tuấn	Kiểm soát viên	10,000,000
TỔNG CỘNG			145,000,000

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
(Ký tên và đóng dấu)
MERUFA
Ks. VŨ VĂN MINH